# KẾT QUẢ CHĂM SÓC TƯ VẤN CHO NGƯỜI BỆNH SAU PHẪU THUẬT FEMTOSECOND LASER TẠI BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN - HÀ NỘI 1, NĂM 2022-2023

**Vũ Thị Út Dịu[1], Phạm Hồng Vân[2], Nguyễn Thị Thu Hiền[2]**


## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá kết quả chăm sóc tư vấn cho người bệnh sau phẫu thuật Femtosecond Laser tại Bệnh viện mắt Sài gòn - Hà nội 1, năm 2022-2023. **Người bệnh phương pháp nghiên cứu**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 231 bệnh nhân tật khúc xạ được phẫu thuật Femtosecond Laser tại Bệnh viện Mắt Sài Gòn – Hà Nội từ tháng 7/2/22 đến tháng 2/2023. **Kết quả:** Độ tuổi trung bình của nhóm người bệnh nghiên cứu là 24,98±5,41, phần lớn là nữ giới chiếm 64,9%. Đa số có trình độ học vấn trung cấp, cao đẳng, ĐH chiếm tỉ lệ cao nhất 84,9%, cán bộ viên chức chiếm cao nhất 50,2% sống ở thành thị (98,3%). Có 90,9% có cận loạn thị; 8,7% cận thị; 0,4% loạn thị. Hơn 80% người bệnh có kiến thức đạt về chế độ sinh hoạt, 100% có kiến thức về tra thuốc (thời gian nhỏ, số lần tra thuốc), 100% có kiến thức về lịch thái khám theo hẹn của bác sĩ. Tỷ lệ người bệnh có kiến thức chung đạt 84,0%. 100% NB được điều dưỡng hướng dẫn các biện pháp giảm đau giảm phù nề mắt sau khi phẫu thuật. 100% NB được đánh giá tình trạng mi mắt, kết mạc, giác mạc, thị lực và hướng dẫn các biện pháp giảm đau, giảm phù nề... 100% NB được chăm sóc tâm lý. 100% NB được tư vấn đầy đủ về chế độ sinh hoạt, tra thuốc và lịch tái khám. Sau phẫu thuật 1 ngày 100% đều có cải thiện thị lực 5/10-7/10. Tỷ lệ NB được thực hiện chăm sóc đầy đủ 91,8%; chưa đầy đủ 18,2%, 100% NB hài lòng với hoạt động chăm sóc và tư vấn của điều dưỡng. **Kết luận:** Sau phẫu thuật Femtosecond Laser 100% NB cải thiện thị lực khá và tốt, 91,8% NB được thực hiện chăm sóc đầy đủ, 100% NB hài lòng với hoạt động chăm sóc, tư vấn, hướng dẫn của điều dưỡng.


***Từ khóa:*** cận thị, loạn thị, cận loạn thị, Femtosecond Laser, chăm sóc, hướng dẫn, tư vấn.


## SUMMARY

### THE RESULTS OF ADVISORY AND CARE FOR PATIENTS AFTER FEMTOSECOND LASER SURGERY AT SAIGON EYE HOSPITAL-HANOI 1, 2022-2023

**Subjects and methods:** A cross-sectional descriptive study was performed on 231 patients with refractive who received Femtosecond Laser surgery at Saigon Eye Hospital - Hanoi from 7/2/22 to 2/2023. **Results:** The average age of the study group was 24.98±5.41, most of them were female, accounting for 64.9%. Most of them have intermediate, college, and university education, accounting for the highest rate of 84.9%, and the highest proportion of officials and employees with 50.2% living in urban areas (98.3%). There are 90.9% have astigmatism and myopia; 8.7% myopia; 0.4% astigmatism. More than 80% of patients have good knowledge about living regimen, 100% have knowledge about medication administration (time eye dropping, times per day), 100% have knowledge about doctor's appointment schedule. The percentage of patients with general knowledge reached 84.0%. 100% of patients were guided by nurses on pain relief measures to reduce eye edema after surgery. 100% of patients were assessed the status of eyelids, conjunctiva, cornea, visual acuity and instructed measures to reduce pain, reduce edema... 100% of patients received psychological care. 100% of patients were fully consulted on living regimen, medication and follow-up examination schedule. **Conclusion:** After Femtosecond Laser surgery 100% of patients improved their visual acuity good and excellent, 91.8% of patients received adequate care, 100% of patients were satisfied with the care, consultation and guidance of the nurses.


***Keywords:*** myopia, astigmatism, myopia, Femtosecond Laser, care, guidance, counseling

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỷ lệ tật khúc xạ (cận, loạn thị,…) ngày càng gia tăng tại nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt tại các nước châu Á. Nhu cầu phẫu thuật điều trị tật khúc xạ ngày càng cao. Femtosecond laser là một trong những phương pháp phẫu thuật điều trị tật khúc xạ bằng laser hiện đại nhất hiện nay. Kỹ thuật tạo vạt giác mạc thay cho dao vi phẫu, giúp tạo vạt giác mạc chính xác và giảm thiểu tối đa biến chứng trong phẫu thuật. Sự thành công của phương pháp này đã được khẳng định bằng nhiều báo cáo trên các tạp chí nhãn khoa lớn trên thế giới cũng như trong nước. Bên cạnh phẫu thuật điều trị chính xác, các quy trình chăm sóc, tư vấn kiến thức cho người bệnh sau mổ đóng vai trò rất quan trọng đối với kết quả điều trị. Các quy trình nhằm giúp bệnh nhân nhận được quá trình chăm sóc và điều trị toàn diện, có kiến thức, kỹ năng trong tự chăm sóc và dự phòng bệnh tật. Vì vậy chúng tôi thực hiện đề tài *"Kết quả chăm sóc tư vấn cho người bệnh sau phẫu thuật Femtosecond Laser tại Bệnh viện mắt*

*[1]Bệnh viện mắt Sài Gòn – Hà Nội 1*
*[2]Bệnh viện Mắt Trung ương*
Chịu trách nhiệm chính: Vũ Thị Út Dịu
Email: vuthiutdiu@gmail.com
Ngày nhận bài: 14.3.2023
Ngày phản biện khoa học: 21.4.2023
Ngày duyệt bài: 22.5.2023

*Sài Gòn - Hà Nội 1, năm 2022-2023"* với mục tiêu: Đánh giá kết quả chăm sóc tư vấn cho người bệnh sau phẫu thuật femtosecond laser tại bệnh viện mắt Sài gòn- Hà nội 1 năm 2022-2023.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Người bệnh nghiên cứu.** Người bệnh được chẩn đoán tật khúc xạ và được phẫu thuật Femtosecond Laser, theo dõi tại Bệnh viện mắt Sài Gòn - Hà Nội từ tháng 6 năm 2022 đến 02 năm 2023.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu.** Nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến cứu không đối chứng

**2.3. Các bước tiến hành:** BN được chẩn đoán tật khúc xạ, được phẫu thuật Femtosecond Laser và được theo dõi, chăm sóc sau phẫu thuật. Các phiếu, bảng kiểm, bệnh án nghiên cứu được thu thập số liệu, phân tính bằng phần mềm SPSS 16.0.

## III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

### 3.1. Đặc điểm của người bệnh nghiên cứu

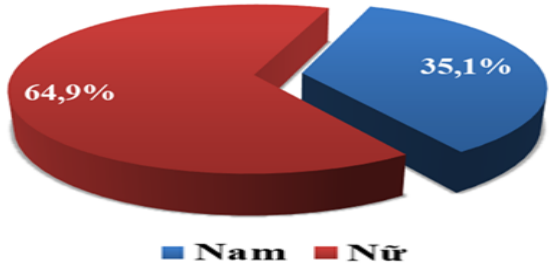


***Biểu đồ 3.3. Phân bố người bệnh theo giới (n=231)***

Phần lớn người bệnh là nữ giới (chiếm 64,9%) cao hơn so với nam giới (35,1%). Phẫu thuật khúc xạ ngoài việc phục hồi chức năng còn phần nào mang yếu tố thẩm mỹ, chính vì vậy bệnh nhân nữ chiếm ưu thế so với bệnh nhân nam do nhu cầu phẫu thuật của nữ giới phục vụ cho yếu tố nghề nghiệp và thẩm mỹ cao hơn.

***Bảng 3.2. Phân bố người bệnh theo tuổi (n=231)***

| Đặc điểm | Số lượng | % |
|---|---|---|
| 18-20 | 58 | 25,1 |
| >20-30 | 137 | 59,3 |
| >30-40 | 36 | 15,6 |
| **Tổng** | **231** | **100** |
| **Tuổi TB** | **24,98±5,41** | **(min-max: 18–40)** |

Tuổi trung bình của nhóm người bệnh là 24,98±5,41 với tuổi nhỏ nhất là 18 tuổi, lớn nhất 40 tuổi. Phần lớn người bệnh thuộc nhóm >20-30 tuổi (59,3%); thấp nhất ở nhóm >30 tuổi (15,6%). Đây được xem là độ độ tuổi có khúc xạ ổn định và đang trong độ tuổi lao động nên nhu cầu cải thiện thị lực cao, nhất là với người bệnh cận thị nặng.

***Bảng 3.3. Phân bố người bệnh theo trình độ học vấn (n=231)***

| Đặc điểm | Số lượng | % |
|---|---|---|
| THPT | 28 | 12,1 |
| TC, CĐ, ĐH | 196 | 84,9 |
| Sau ĐH | 7 | 3,0 |
| **Tổng** | **231** | **100** |

Tỷ lệ người bệnh có trình độ học vấn trung cấp, cao đẳng, ĐH chiếm tỉ lệ cao nhất 84,9%; có 12,1% có học vấn là THPT; thấp nhất là sau ĐH chiếm 3,0%.

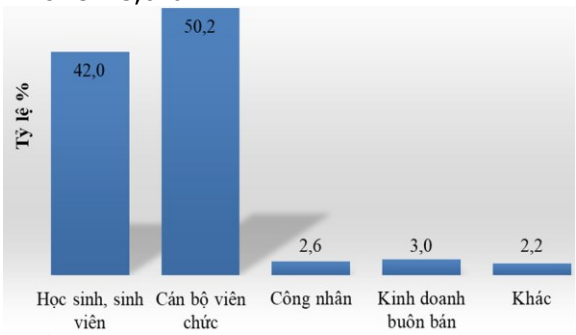


***Biểu đồ 3.4. Phân bố người bệnh theo nghề nghiệp (n=231)***

Tỷ lệ người bệnh là cán bộ viên chức chiếm cao nhất 50,2%, nhóm học sinh sinh viên chiếm 42,0%; các nhóm còn lại chiếm tỉ lệ khá thấp công nhân 2,6%; kinh doanh 3,0%; khác 2,2%. Tại Việt nam, phí phẫu thuật khúc xạ ở mức chấp nhận được, sinh viên chiếm đa số và chi phí phẫu thuật thường do cha mẹ người bệnh chi trả. Ngoài ra, ngày càng đông các bệnh nhân đi phẫu thuật vì lí do nghề nghiệp như thí sinh của các trường an ninh, quân đội, cảnh sát, phi công... cần có thị lực 9/10 trở lên để đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe của ngành nghề. Đây cũng là lý do khiến tuổi đời trung bình của bệnh nhân phẫu thuật khúc xạ thấp

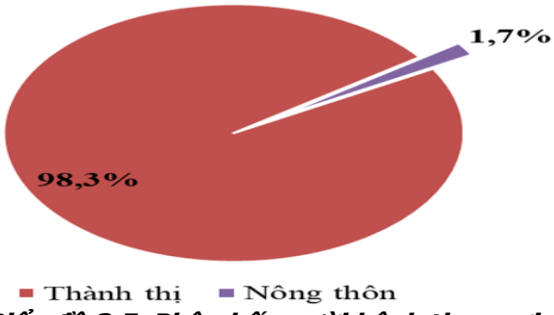


***Biểu đồ 3.5. Phân bố người bệnh theo nơi ở (n=231)***

Đa số người bệnh có nơi ở là thành thị (98,3%), chỉ có 1,7% ở nông thôn.

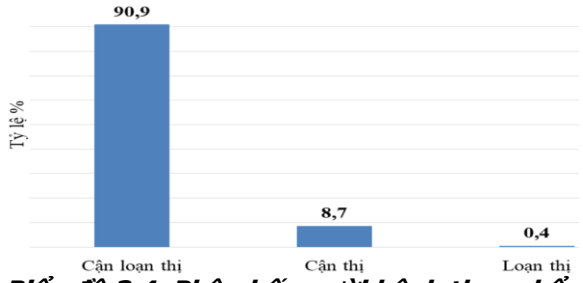


***Biểu đồ 3.4. Phân bố người bệnh theo chẩn đoán (n=231)***

Hầu hết 90,9% người bệnh có cận loạn thị (90,9%); 8,7% cận thị; 0,4% loạn thị.

**3.2. Kết quả chăm sóc tư vấn cho người bệnh sau phẫu thuật Femtosecond laser tại Bệnh viện mắt Sài gòn - Hà nội 1 năm 2022-2023**

***- Kiến thức của người bệnh***

***Bảng 3.1. Kiến thức chăm sóc sau phẫu thuật Femtosecond laser của NB***

| Kiến thức của người bệnh | Số lượng | % |
|---|---|---|
| **Chế độ sinh hoạt:** | | |
| Kiến thức mang kính bảo hộ thường xuyên sau phẫu thuật kể cả lúc ngủ trong 3 ngày đầu | 231 | 100 |
| Kiến thức về tuyệt đối không day dụi mắt | 231 | 100 |
| Kiến thức tránh để nước mưa, nước bẩn, xà phòng vào mắt | 231 | 100 |
| Kiến thức về tập nhìn gần trong 2 tuần đầu sau phẫu thuật ( khoản cách nhìn từ 30-35cm) | 194 | 83,9 |
| Kiến thức về hạn chế thiết bị điện tử trong tuần đầu | 211 | 91,3 |
| Chơi thể thao nhẹ nhàng sau 1 tuần | 220 | 95,2 |
| Chơi thể thao mang tính đối kháng sau 1 tháng | 208 | 90,0 |
| Không đi bơi trong tháng đầu | 223 | 96,5 |
| Kiến thức về chế độ ăn bình thường | 231 | 100 |
| **Tra thuốc:** | | |
| Kiến thức về thuốc nhỏ cách nhau 10-15 phút | 231 | 100 |
| Kiến thưc về nhỏ thuốc thường xuyên theo đơn | 231 | 100 |
| Kiến thức về số lần tra thuốc | 231 | 100 |
| **Lịch tái khám:** | | |
| Kiến thức về lịch tái khám theo hẹn của bác sĩ | 231 | 100 |
| **Kiến thức chung:** | | |
| Đạt | **194** | **84,0** |
| Không đạt | 37 | 16,0 |

Kiến thức về chế độ sinh hoạt: 100% NB có kiến thức mang kính bảo hộ thường xuyên sau phẫu thuật kể cả lúc ngủ trong 3 ngày đầu; 100%NB có kiến thức về tuyệt đối không day dụi mắt; 100% NB có kiến thức tránh để nước mưa, nước bẩn, xà phòng vào mắt. 83,9% NB có kiến thức về tập nhìn gần trong 2 tuần đầu sau phẫu thuật (khoản cách nhìn từ 30-35cm), 91,3% NB có kiến thức về hạn chế thiết bị điện tử trong tuần đầu, 95,2% có kiến thức thể thao nhẹ nhàng sau 1 tuần, 90,0% NB có kiến thức chơi thể thao mang tính đối kháng sau 1 tháng, 96,5% NB có kiến thực không đi bơi trong tháng đầu, 100% có kiến thức về chế độ ăn bình thường. Kiến thức về tra thuốc: 100% NB có kiến thức về tra thuốc (thời gian nhỏ, số lần tra thuốc). Kiến thức về tra thuốc: 100% NB có kiến thức về lịch thái khám theo hẹn của bác sĩ. Tỷ lệ NB có kiến thức chung đạt 84,0%. 16,0% có kiến thức chưa đạt.

***- Kết quả chăm sóc tư vấn người bệnh***

***Bảng 3.2. Hoạt động chăm sóc trên người bệnh nghiên cứu (n=231)***

| Hoạt động chăm sóc | Sau PT 1 tiếng | Sau PT 1 ngày | Sau PT 1 tuần |
|---|---|---|---|
| Theo dõi dấu hiệu sinh tồn | 231 (100) | | |
| Thực hiện can thiệp dùng thuốc giảm đau | 0 | 0 | 0 |
| Hướng dẫn BN nhỏ thuốc kháng sinh, kháng viêm, nước mắt nhân tạo theo đơn bác sỹ | 231 (100) | 231 (100) | 0 |
| Đánh giá mi mắt | 231 (100) | 231 (100) | 0 |
| Đánh giá tình trạng kết mạc | 231 (100) | 231 (100) | 231 (100) |
| Đánh giá tình trạng giác mạc | 231 (100) | 231 (100) | 231 (100) |
| Đo thị lực | 0 | 231 (100) | 231 (100) |
| Hướng dẫn các biện pháp giảm đau, giảm phù nề mắt… | 231 (100) | 231 (100) | 231 (100) |
| Động viên, an ủi bệnh nhân | 231 (100) | 224 (97,0) | 201 (87,0) |
| Chăm sóc tâm lý khi BN lo sợ | 231 (100) | 231 (100) | 0 |

100% BN được theo dõi dấu hiệu sinh tồn trước và sau PT 1 tiếng. 100% BN được điều dưỡng hướng dẫn các biện pháp giảm đau giảm phù nề mắt sau khi phẫu thuật. 100% BN được đánh giá tình trạng mi mắt, kết mạc, giác mạc, thị lực và hướng dẫn các biện pháp giảm đau, giảm phù nề,... cho bệnh nhân. 100% NB được an ủi, 100% NB được chăm sóc tâm lý.

***Bảng 3.3. Hoạt động tư vấn sau phẫu thuật trên người bệnh nghiên cứu (n=231)***

| Nội dung tư vấn | Số lượng | % |
|---|---|---|
| **Chế độ sinh hoạt:** | | |
| Tư vấn mang kính bảo hộ thường xuyên sau phẫu thuật kể cả lúc ngủ trong 3 ngày đầu | 231 | 100 |
| Tư vấn về tuyệt đối không day dụi mắt | 231 | 100 |
| Tư vấn tránh để nước mưa, nước bẩn, xà phòng vào mắt | 231 | 100 |
| Tư vấn về cách tập nhìn gần trong 2 tuần đầu sau phẫu thuật ( khoản cách nhìn từ 30-35cm) | 231 | 100 |
| Tư vấn về hạn chế thiết bị điện tử trong tuần đầu | 231 | 100 |
| Tư vấn về chế độ chơi thể thao nhẹ nhàng sau 1 tuần | 231 | 100 |
| Tư vấn về chế độ chơi mang tính đối kháng sau 1 tháng | 231 | 100 |
| Tư vấn không đi bơi trong tháng đầu | 231 | 100 |
| Tư vấn chế độ ăn | 231 | 100 |
| **Tra thuốc:** | | |
| Tư vấn thời gian về thuốc nhỏ cách nhau 10-15 phút | 231 | 100 |
| Tư vấn mức độ nhỏ thuốc | 231 | 100 |
| Tư vấn về số lần tra thuốc | 231 | 100 |
| **Lịch tái khám:** | | |
| Tư vấn về lịch tái khám theo hẹn của bác sĩ | 231 | 100 |

100% NB được tư vấn đầy đủ về chế độ sinh hoạt, tra thuốc và lịch tái khám. Việc cung cấp thông tin phù hợp, tư vấn giải thích, hướng dẫn cho nhóm người bị tật khúc xạ trước và sau phẫu thuật Femto là cần thiết, đóng vai trò đặc biệt quan trọng, vì một số đặc điểm của nhóm người sau phẫu thuật Femto điều chỉnh tật khúc xạ. Tuổi trung bình trong nhóm người bệnh nghiên cứu khá trẻ tuổi, vì vậy sự mong đợi của nhóm người bệnh này cao và tuyệt đối, thị lực phải đạt tối đa, chất lượng hình ảnh rõ, cảm giác dễ chịu sau phẫu thuật. Nhóm người này tuổi trẻ, đang học trong các trường đại học, hoặc đang làm trong công ty, cơ quan, vì vậy đòi hỏi thời gian phục hồi thị lực nhanh tính bằng ngày, đòi hỏi sự thuận tiện, nhanh gọn để quay về cuộc sống sinh hoạt thường ngày. Hơn nữa, sau phẫu thuật việc tuân thủ tra thuốc và khám lại theo hẹn cũng cần được nhắc nhở vì người bệnh nhóm người này thường không dành thời gian, dễ chủ quan và không tuân thủ điều trị. Mặt khác, những người bị tật khúc xạ trước khi đến bệnh viện đã tìm hiểu thông tin từ bạn bè, từ người đã phẫu thuật hoặc thông tin trên internet, vì vậy, có những điều thuận lợi, cũng như không thuận lợi cho nhân viên y tế khi tiếp xúc, giải thích lần đầu.

***Bảng 3.4. Thị lực trước và sau mổ phẫu thuật***

| Thị lực | Thị lực trước mổ | Thị lực sau phẫu thuật 1 ngày | Thị lực sau phẫu thuật 1 tuần |
|---|---|---|---|
| <=1/10 | 222 (96,1) | 0 | 0 |
| 2/10 – 4/10 | 9 (3,9) | 0 | 0 |
| 5/10 – 7/10 | 0 | 0 | 0 |
| >7/10 - 10/10 | 0 | 231 (100) | 231 (100) |

***Nhận xét:*** Trước PT thị lực phần lớn <1/10; sau phẫu thuậT 1 ngày 100% đều có cải thiện thị lực >7/10 - 10/10. Thị lực trước phẫu thuật cũng liên quan đến thị lực sau phẫu thuật. Thị lực trước phẫu thuật thấp hoặc do không đeo kính được hoặc do chênh lệch khúc xạ cao gây nhược thị. Trên lý thuyết, thị lực sau phẫu thuật không chỉnh kính không vượt quá thị lực trước phẫu thuật có chỉnh kính. Điều đó có ý nghĩa phẫu thuật đạt hiệu quả, tương tự với Kamiya, có sự khác biệt giữa thị lực không chỉnh kính sau mổ so với trước mổ có ý nghĩa thống kê (p<0,001).

***Bảng 3.5. Kết quả chăm sóc sức khỏe tinh thần (n=231)***

| Nội dung | TPT | Sau PT 1 tiếng | Sau PT 1 ngày | Sau PT 1 tuần |
|---|---|---|---|---|
| **Tình trạng lo lắng của NB** | | | | |
| Lo lắng rất nhiều | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Lo lắng nhiều | 231 (100) | 0 | 0 | 0 |
| Lo lắng vừa | 0 | 231 (100) | 231 (100) | 0 |
| Lo lắng nhẹ | 0 | 0 | 0 | 231 (100) |

***Nhận xét:*** 100% NB lo lắng nhiều trước phẫu thuật; sau PT 1 tiếng và sau PT 1 ngày 100% NB lo lắng vừa; sau PT 1 tuần, 100% chỉ còn hơi lo lắng/không lo lắng.

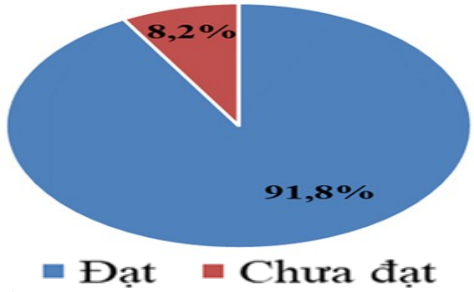


***Biểu đồ 3.5. Phân bố người bệnh theo kết quả chăm sóc***

***Nhận xét:*** Tỷ lệ người bệnh có kết quả chăm sóc đạt 91,8%.

***Bảng 3.5. Mức độ hài lòng của người bệnh (n=231)***

| Nội dung | TPT | Sau PT 1 tiếng | Sau PT 1 ngày | Sau PT 1 tuần |
|---|---|---|---|---|
| Rất hài lòng | 0 | 0 | 181 (78,4) | 229 (99,1) |
| Hài lòng | 231 (100) | 231 (100) | 50 (21,7) | 2 (0,9) |
| Không hài lòng | 0 | 0 | 0 | 0 |

100% BN hài lòng với hoạt động chăm sóc và tư vấn của điều dưỡng.

## IV. KẾT LUẬN

Độ tuổi trung bình của nhóm người bệnh nghiên cứu là 24,98±5,41, phần lớn là nữ giới chiếm 64,9%. Đa số là người bệnh có trình độ học vấn trung cấp, cao đẳng, ĐH chiếm tỉ lệ cao nhất 84,9%, tỷ lệ người bệnh là cán bộ viên chức chiếm cao nhất 50,2% sống ở thành thị (98,3%). Có 90,9% người bệnh có cận loạn thị (90,9%); 8,7% cận thị; 0,4% loạn thị.

**- Kiến thức của người bệnh:** Kiến thức về chế độ sinh hoạt: hơn 80% người bệnh có kiến thức đạt về chế độ sinh hoạt. Kiến thức về tra thuốc: 100% người bệnh có kiến thức về tra thuốc (thời gian nhỏ, số lần tra thuốc). Kiến thức về tái khám: 100% người bệnh có kiến thức về lịch thái khám theo hẹn của bác sĩ. Tỷ lệ người bệnh có kiến thức chung đạt 84,0%.

**- Kết quả chăm sóc tư vấn người bệnh**

+ Hoạt động chăm sóc: 100% người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn các biện pháp giảm đau giảm phù nề mắt sau khi phẫu thuật. 100% người bệnh được đánh giá tình trạng mi mắt, kết mạc, giác mạc, thị lực và hướng dẫn các biện pháp giảm đau, giảm phù nề... 100% NB được chăm sóc tâm lý.

+ Hoạt động tư vấn: 100% NB được tư vấn đầy đủ về chế độ sinh hoạt, tra thuốc và lịch tái khám.

+ Kết quả chăm sóc: Sau phẫu thuật 1 ngày 100% đều có cải thiện thị lực 5/10-7/10.

- Tỷ lệ người bệnh có kết quả chăm sóc đạt 91,8%; 100% người bệnh hài lòng với hoạt động chăm sóc và tư vấn của điều dưỡng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO


1. **Nguyễn Xuân Hiệp, Tôn Thị Kim Thanh,** (2008). "Nghiên cứu hiệu quả điều trị tật khúc xạ bằng laser excimer", Luận án tiến sĩ y học, Trường đại học Y Hà Nội.
2. **Nguyễn Xuân Trường, Lê Minh Thông,** (1999), Bài giảng nhãn khoa, NXB Giáo dục.
3. **Trần Anh Tuấn,** (2004). Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị cận thị và loạn thị bằng Laser Excimer, Tập 9, tr.108-111.
4. **Trần Anh Tuấn,** (2010). "Phẫu thuật điều chỉnh khúc xạ" Nhãn khoa lâm sàng, Nhà xuất bản Y học, tr.402-423.
5. **Trần Hải Yến,** (2012). "Phẫu thuật Lasik", Nhãn Khoa tập 1, Nhà Xuất Bản Y Học, tr.412-420.
6. **Ahn H, Kim JK, Kim CK, Tae-im Kim,** (2011). "Comparison of laser in situ keratomileusis flaps created by 3 femtosecond laser and a microkeratome", J Cataract Refract Surg, vol 37, pp.349-357.
7. **Durrie DS, Kezirian GM,** (2005). "Femtosecond laser versus mechanical keratome flaps in wavefront-guided laser in situ keratomileusis: prospective contralateral eye study", J Cataract Refract Surg, 31, pp.120-126.
8. **Gimbel HV, Penno EE, van Westenbrugge JA,** (1998). "Incidence and management of intraoperative and early postoperative complications in 1000 consecutive laser in situ keratomileusis cases", Ophthalmology, vol 105, pp.1839-1847.


# KHẢO SÁT MỐI LIÊN QUAN GIỮA TẾ BÀO VÀ MÔ BỆNH HỌC TỦY XƯƠNG VỚI GIAI ĐOẠN BỆNH Ở BỆNH NHÂN ĐA U TỦY XƯƠNG

**Nguyễn Tuấn Tùng[1], Vương Sơn Thành[1]**


## TÓM TẮT

**Mục tiêu**: Đánh giá mỗi liên quan giữa tế bào máu ngoại vi, tế bào học tủy xương, mô bệnh học tủy xương với giai đoạn bệnh ở bệnh nhân đa u tủy xương tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2016 - 2022**. Đối tượng và phương pháp:** Mô tả cắt ngang 62 bệnh nhân được chẩn đoán Đa u tủy xương theo tiêu chuẩn của IMWG 2016**. Kết quả và kết luận**: Bệnh nhân thuộc nhóm giai đoạn ISS III tỷ lệ có tương bào trong máu cao hơn nhóm giai đoạn ISS II và ISSI. Tỷ lệ CD20 dương tính trên tương bào của nhóm giai đoạn ISS III là 56.6%, cao hơn so với nhóm giai đoạn ISS II là 25.0% và nhóm giai đoạn ISS I là 10.5%. Không tìm thấy mối liên quan về tỷ lệ dương tính của các CD19, CD56, CD81, CD117 với giai đoạn bệnh ISS.


***Từ khóa:*** Đa u tủy xương, Bệnh viện Bạch Mai


[1]*Bệnh viện Bạch Mai*
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Tuấn Tùng
Email: tunghhbm@gmail.com


Ngày nhận bài: 13.3.2023
Ngày phản biện khoa học: 17.4.2023
Ngày duyệt bài: 23.5.2023